**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

- Nội dung: kiến thức tổng hợp

 - Mục đích: khảo sát chuyên môn định kỳ

 - Đối tượng: dành cho Bác sỹ

 - Cách thức làm bài: chọn ý đúng nhất

 - Thời gian làm bài: 40 phút

**1. Người bệnh được nhận định là huyết áp kẹt khi trị số chênh lệch giữa huyết áp tâm thu và huyết áp tâm trương là:**

A. < 25 mmHg.

B. ≤ 25 mmHg.

C. < 20 mmHg.

D. ≤ 20 mmHg.

1. **Trẻ sơ sinh có nhịp thở bình thường khi tần số thở từ:**

A. 30 - 50 lần/phút.

B. 35 - 55 lần/phút.

C. 40 - 60 lần/phút.

D. 45 - 65 lần/phút.

1. **Dấu hiệu thiếu oxy của người bệnh ở giai đoạn đầu là:**

A. tím tái

B. mạch chậm

C. nhịp thở tăng

 D. giảm thị lực

1. **Tỉ lệ giữa ép tim và thổi ngạt ở người lớn bằng phương pháp 2 người là:**

A. 20 lần ép tim 1 lần thổi ngạt.

B. 20 lần ép tim 2 lần thổi ngạt.

C. 30 lần ép tim 1 lần thổi ngạt.

D. 30 lần ép tim 2 lần thổi ngạt.

1. **Khi ép tim cho người lớn, người cấp cứu dùng lực toàn thân ấn thẳng góc xuống xương ức đảm bảo cho xương ức lún sâu về phía cột sống ………, nhịp nhàng liên tục với tần số 80 -100 lần/phút.**

A. 2 - 3 cm

B. 3 - 4 cm

C. 4 - 5 cm

D. 5 - 6 cm

1. **Trong khám bụng ngoại khoa, yếu tố nào sau đây đóng vai trò chủ đạo:**
2. Khám lâm sàng
3. Siêu âm
4. Xét nghiệm sinh hóa-huyết học
5. Chụp cắt lớp
6. Tất cả đều sai
7. **Trong thủng ổ loét dạ dày-tá tràng, đau bụng có tính chất:**
8. Đột ngột
9. Âm ỉ kéo dài
10. Dữ dội
11. Từng cơn
12. A và C đúng
13. **Trong tắc ruột cơ học, đau bụng có tính chất:**
14. Âm ỉ kéo dài
15. Giảm đau khi trung tiện được
16. Từng cơn
17. Đau liên tục
18. B và C đúng
19. **Hỏi bệnh khi khám bụng ngoại khoa cần khai thác thêm các triệu chứng:**
20. Nôn mửa
21. Rối loạn trung-đại tiện
22. Rối loạn về nuốt
23. Ợ hơi ợ chua
24. Tất cả đều đúng
25. **Phát hiện dịch tự do trong ổ phúc mạc khi khám bụng dựa vào:**
26. Nhìn thấy bụng lớn
27. Nghe có dấu hiệu “sóng vỗ’’
28. Gõ đục vùng thấp
29. Có triệu chứng “cục đá nổi”
30. C và D đúng
31. **Dấu hiệu “phản ứng thành bụng” thường gặp trong:**
32. Viêm phúc mạc
33. Viêm ruột thừa
34. Viêm đại tràng
35. A và B đúng
36. **Gõ trong khám bụng nhằm mục đích tìm:**
37. Bụng chướng
38. Dấu ‘’phản ứng thành bụng’’
39. Vùng đục trước gan mất trong thủng tạng rỗng
40. A, B đúng
41. A, C đúng
42. **Thăm trực tràng có thể phát hiện các thương tổn ở:**
43. Hậu môn và vùng quanh hậu môn, trực tràng
44. Trực tràng và đại tràng xích ma
45. Tiền liệt tuyến ở nam và thành sau âm đạo ở nữ
46. A và B đúng
47. A và C đúng
48. **Có 3 triệu chứng thường gặp để tạo nên tam chứng trong tắc ruột là:**
49. Đau bụng, nôn mữa, chướng bụng
50. Đau bụng, dâú rắn bò, bí trung-đại tiện
51. Đau bụng, nôn mữa, bí trung-đại tiện
52. Đau bụng, chướng bụng, dấu rắn bò
53. Đau bụng, bí trung đại tiện, tăng âm ruột
54. **Dấu hiệu “phản ứng thành bụng” dương tính có ý nghĩa chẩn đoán trong:**
55. Viêm phúc mạc
56. Viêm ruột
57. Viêm ruột thừa
58. A và B đúng
59. A và C đúng
60. **Các tr/chứng nào sau đây được xem là tr/ chứng chắc chắn trong gãy xương:**
61. Đau chói
62. Biến dạng
63. Cử động bất thường
64. Tiếng lạo xạo
65. **A sai**
66. Sau khi nắn trật khớp cần:
67. Bất động 2-3 tuần
68. Tập vận động sớm
69. Tập vận động thụ động ngay
70. Bất động tạm thời vài ngày
71. Bất động tạm thời phối hợp tập phục hồi chức năng ngay
72. **Chấn thương bụng kín được định nghĩa là:**
73. Chấn thương vào vùng bụng bao gồm chấn thương do bạch khí và do hoả khí
74. Chấn thương vào vùng bụng mà không gây thủng phúc mạc
75. Chấn thương vào vùng bụng mà không gây thông thương giữa ổ phúc mạc với môi trường bên ngoài
76. A và B đúng
77. A và C đúng
78. **Vết thương thấu bụng được định nghĩa là:**
79. Chấn thương vào vùng bụng bao gồm chấn thương do bạch khí và do hoả khí
80. Chấn thương vào vùng bụng gây thủng phúc mạc
81. Chấn thương vào vùng bụng tạo nên thông thương giữa ổ phúc mạc với môi trường bên ngoài
82. A và B đúng
83. B vàC đúng
84. **Tổn thương tạng đặc thường gặp nhất trong chấn thương bụng kín theo thứ tự lần lượt là:**
85. Thận, gan, lách, tuỵ
86. Lách, gan, thận, tuỵ
87. Lách, thận, gan, tuỵ
88. Gan, tuỵ, thận, lách
89. Gan, tuỵ, lách, thận
90. **Tổn thương tạng rỗng thường gặp nhất trong chấn thương bụng kín là:**
91. Ruột già và dạ dày
92. Ruột non và dạ dày
93. Ruột non và bàng quang
94. Ruột và đường mật
95. Tấc cả đều sai
96. **Khi khám một BN bị chấn thương bụng kín cần chú ý khám các cơ quan:**
97. Lồng ngực
98. Thần kinh sọ não
99. Các xương lớn như xương đùi, xương chậu
100. A và B đúng
101. Tất cả đều đúng

**23. Khi dịch cổ chướng vừa, vị trí thường dùng để chọc dò:**

A. 1/3 ngoài đường nối rốn- gai chậu trước trên phải

B. 1/3 ngoài đường nối rốn- gai chậu trước trên trái.

C. Trên và dưới rốn trên đường trắng.

D. Cạnh rốn trên đường trắng.

E. Bất kỳ chổ nào trên nữa bụng bên trái.

**24. Trong xơ gan, dịch cổ chướng thành lập:**

A. Do áp lưc keo huyết tương giảm.

B. Do tăng áp tĩnh mạch cửa.

C. Do tăng áp các tĩnh mạch tạng.

D. do tăng aldosterone.

E. Các câu trên đều đúng.

**25. Dịch ổ bụng ở bệnh nhân phù toàn thân phản ảnh:**

A. Tình trạng giảm áp lực keo trong lòng mạch.

B. Một bệnh lý về thận.

C. Suy tim toàn bộ

D. Xơ gan mất bù

E. Tất cả các câu trên đều đúng

**26. Sốc được xác định khi**

A. Huyết áp động mạch trung bình (mean arterial pressure) ≤ 60 mmHg.

B. Huyết áp tâm thu  ≤ 80 mmHg

C. Lượng nước tiểu  ≤ 20 ml. giờ

D. A và B

E. B và C

**Câu 27: Sốc do giảm thể tích:**

A. Xuất huyết nội tạng : Sang chấn , chảy máu dạ dày, vở các tạng.....

B. Giảm thể tích nội mạch làm giảm lượng máu về tim phải

C. Bỏng, nôn mữa, tắc ruột, tiêu chảy, mất nước.

D. A và B

E. A và B và C.

**28: Biểu hiện da trong sốc là:**

A. Da xanh, tái, lạnh tím các đầu chi

B. Vã mồ hôi nhờn.

C. Nổi vân tím ở đùi (trường hợp sốc khởi đầu), bụng, toàn thân (ở giai đoạn muộn).

D. A và B

E. A và B và C

**29: Biểu hiện hô hấp trong sốc là**

A. thở nhanh nông

B. rối loạn nhịp thở

C. phổi đầy ran ẩm, tràn dich màng phổi bên phải hoặc 2 bên.

D. A và B

E. A và B và C

**30. Sốc phản vệ thuốc cần điều trị tức thời là:**

A. Epineprine

B. Glucocorticoid Solu Cortef (1 g) hoặc Solu-Medrol (100 mg)

C. Kháng Histamine-1 : Diphenylhydramine (Benadryl, generic)

D. Kích thích beta dạng khí dung (albuterol, metaproterenol) hơn là aminophylline

E. Dịch truyền : 500 - 1000 ml

**31. Khung chậu được gọi là hẹp khi:**

A. Đường kính nhô - hậu mu ≤ 8,5 cm

B. Đường kính nhô- thượng mu ≤ 10cm

C. Đường kính cụt - hạ mu ≤ 10,5cm

D. Đường kính lưỡng gai hông ≤ 10cm 5

E. Đường kính lưỡng ụ ngồi ≤ 10,5 cm

**32. Khung chậu được gọi là giới hạn khi:**

A. Đường kính nhô - hậu mu ≤ 8 cm

B. Đường kính nhô - hậu mu từ 8,5cm đến 10,5 cm

C. Đường kính nhô - hậu mu ≤10cm 5

 D. Đường kính nhô- thượng mu ≤ 10,5cm

E. Đường kính lưỡng gai hông ≤10cm 5

**33. Thời điểm nào sau khi có thai ta có thể phát hiện được hCG bằng các phương pháp định lượng, định tính thông thường**

 A 1 tuần

B 2 tuần

C 3 tuần

D 4 tuần

E 5 tuần

**34. Khi phát hiện có sa dây rốn, yếu tố nào có là điều kiện tiên quyết để định hướng can thiệp? *Chọn một câu đúng***

A. Ngôi thai là ngôi chỏm hay khác ngôi chỏm

B. Các đặc điểm biến động tim thai trên EFM

C. Có thể sinh ngã âm đạo tức thì hay không

D. Tình trạng thai cào sống hay đã chết

**35. Nói Về Sản Giật:**

A. Là biến chứng nguy hiểm của tiền sản giật.

B. Có thể xảy ra trước, trong và sau sanh.

C. Sản phụ có thể bị nhiều cơn sản giật.

D. Sản giật chỉ xảy ra khi huyết áp >160/100 mmHg.

E. Cả A,B,C đều đúng

**36. Gọi là ối vỡ sớm:**

a. Ối vỡ khi thai < 37 tuần.

b. Ối vỡ trước khi vào chuyển dạ giai đoạn hoạt động.

c. Ối vỡ khi đã vào chuyển dạ trước khi cổ tử cung mở trọn.

d. Ối vỡ khi thai chưa lọt.

**37. Nói Về “Nhau Tiền Đạo”:**

A. Là nguyên nhân thường gặp gây xuất huyết âm đạo ở 3 tháng cuối thai kỳ.

B. Thường xuất huyết âm đạo không kèm đau bụng.

C. Tất cả những trường hợp nhau tiền đạo đều phải mổ lấy thai.

D. Siêu âm có thể phát hiện được nhau tiền đạo.

E. A, B, D đúng

**38. Đặc Điểm Xuất Huyết Của Nhau Tiền Đạo Là:**

a. Xuất huyết đột ngột, tái phát nhiều lần.

b. Xuất huyết kèm đau bụng.

c. Máu đỏ tuơi.

d. Có thể tự cầm.

E. Cả A, B, C, D đều đúng.

**39. Đau ngực trong nhồi máu cơ tim có đặc điểm:**

A. Đau vùng mỏm tim khu trú

B. Đau cảm giác nóng sau xương ức

C. Cảm giác đau dữ dội lan tỏa khắp ngực

D. Đau nóng sau xương ức lan lên cổ có ợ hơi

E. Đau ngắn < 30 phút

**40. Suy tim là:**

A. Một trạng thái bệnh lý

B. Tình trạng cơ tim suy yếu nhưng còn khả năng cung cấp máu theo nhu cầu của cơ thể

C. Tình trạng cơ tim suy yếu cả khi gắng sức và về sau cả khi nghỉ nghơi

D. Do tổn thương tại các van tim là chủ yếu

E. Do tổn thương tim toàn bộ